

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 2996 ngày 26/10/2026
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC
	Phòng: <i>Phong</i>
Sao:	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 05/NFK/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức : Công ty TNHH NFK Việt Nam

Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

Điện thoại : 0221.390.0170.

E-mail: info@nfk-vn.com..

Mã số doanh nghiệp : 0901032712

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm : Khớp giãn nở vật liệu thép không gỉ SUS304 model NK7600
(NK-VN7200).

2. Thành phần : thép không gỉ SUS304; thép SS400.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không thời hạn.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Sản phẩm được đóng gói trong thùng carton, quy cách đóng gói
có thể thay đổi theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được làm từ giấy đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm
theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở sản xuất : Công ty NFK Việt Nam.

- Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm nội dung mẫu nhãn sản phẩm).

V. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Theo QCVN12-1:2011/BYT của Bộ Y tế về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng yên, ngày 25 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)





Mã số/ Code: DV151610360/05

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
- Địa chỉ/
Address : Số 40 Dãy A Lô 12, KĐT Mới Định Công, Phường Phương Liệt, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : Khớp giãn nở vật liệu thép Inox SUS304 dùng để cấp nước model NK-VN7600
Số tem niêm phong: 20.12882
ID khách hàng CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT: 9199301267765
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Mẫu nguyên vẹn
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 04/03/2026
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 04/03/2026-18/03/2026
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 18/03/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Arsen (As) - (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 1,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
2	Arsen (As) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 1,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
3	Cadimi (Cd) (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 0,2)	QCVN 12-3:2011/BYT
4	Cadimi (Cd) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 0,2)	QCVN 12-3:2011/BYT
5	Chì (Pb) (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 2)	QCVN 12-3:2011/BYT

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
 VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiêu thụ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
 Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn



VILAS 1296
 ISO/IEC 17025:2017

VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151610360/05

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
6	Chì (Pb) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 2)	QCVN 12-3:2011/BYT

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Mẫu do CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT bàn giao thử nghiệm

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 2795 ngày 25/04/2026
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC
	Phòng: <i>Phòng</i>
Sao:	

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/NFK/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức : Công ty TNHH NFK Việt Nam

Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

Điện thoại : 0221.390.0170.

E-mail: info@nfk-vn.com.

Mã số doanh nghiệp : 0901032712

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm : Ống nối mềm vật liệu thép không gỉ SUS304 model NK-VN1600

2. Thành phần : thép không gỉ SUS304; gang dẻo FCMB2705.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không thời hạn.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Sản phẩm được đóng gói trong thùng carton, quy cách đóng gói có thể thay đổi theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được làm từ giấy đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở sản xuất : Công ty NFK Việt Nam.

- Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm nội dung mẫu nhãn sản phẩm).

V. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Theo QCVN12-1:2011/BYT của Bộ Y tế về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng yên, ngày 25 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
MATSUKAWA TETSUYA



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm : Ống nối mềm vật liệu thép không gỉ SUS304 model NK-VN1600

Thành phần : thép không gỉ SUS304; gang dẻo FCMB2705.

Thông số kỹ thuật: kích thước ống DN15 ~ DN50

Hướng dẫn sử dụng : dùng để chống rung, hấp thụ chuyển vị trong đường ống dẫn nước sạch, nước sinh hoạt

Thông tin cảnh báo (nếu có): không dùng với lưu chất có tính ăn mòn kim loại

Tên tổ chức công bố, sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm : NFK Việt Nam.

Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

Xuất xứ: Việt nam.

Số: 01/NFK/2026



Mã số/ Code: DV151610360/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Số 40 Dãy A Lô 12, KĐT Mới Định Công, Phường Phương Liệt, Thành Phố Hà
Address Nội, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ : Ống nối mềm vật liệu thép Inox SUS304 dùng để cấp nước model NK-
Name of Sample VN1600
Số tem niêm phong: 20.12874
ID khách hàng CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ
ISOCERT: 9199301267765
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu nguyên vẹn
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 04/03/2026
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu
Sample retention time
7. Ngày thử nghiệm/ : 04/03/2026-18/03/2026
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 18/03/2026
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Arsen (As) - (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 1,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
2	Arsen (As) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 1,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
3	Cadimi (Cd) (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 0,2)	QCVN 12-3:2011/BYT
4	Cadimi (Cd) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 0,2)	QCVN 12-3:2011/BYT
5	Chì (Pb) (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 2)	QCVN 12-3:2011/BYT

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vmcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiêu thụ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn



Mã số/ Code: DV151610360/03

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
6	Chì (Pb) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 2)	QCVN 12-3:2011/BYT

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Mẫu do CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT bàn giao thử nghiệm

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



Ths. TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV151911397/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Số 40 dãy A lô 12, KĐT mới Định Công, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Address
3. Tên mẫu thử/ : Ống Nối Mềm Và Khớp Giãn Nở Bằng Vật Liệu Kim Loại Dùng Để Cấp Nước
Name of Sample
Model NK-VN1600.
Số tem niêm phong: 11.265
ID KH: 9199301267765
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu nguyên vẹn
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 23/06/2026
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu
Sample retention time
7. Ngày thử nghiệm/ : 23/06/2026-03/07/2026
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 03/07/2026
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Phenol (dung dịch ngâm thôi Nước, 60°C/30p) *	µg/mL	KPH (LOD = 0,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
2	Formaldehyt (dung dịch ngâm thôi Nước, 60°C/30p)	µg/mL	Âm tính	QCVN 12-3:2011/BYT

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Mẫu do CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT bàn giao thử nghiệm

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



Ths. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số 2994 ngày 26/10/2026
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC
	Phòng
	Sao

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/NFK/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức : Công ty TNHH NFK Việt Nam

Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

Điện thoại : 0221.390.0170.

E-mail: info@nfk-vn.com.

Mã số doanh nghiệp : 0901032712

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm : Ống nối mềm vật liệu thép không gỉ SUS304 model NK-VN2100.

2. Thành phần : thép không gỉ SUS304; thép SS400.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không thời hạn.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Sản phẩm được đóng gói trong thùng carton, quy cách đóng gói có thể thay đổi theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được làm từ giấy đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở sản xuất : Công ty NFK Việt Nam.

- Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm nội dung mẫu nhãn sản phẩm).

V. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Theo QCVN12-1:2011/BYT của Bộ Y tế về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng yên, ngày 25 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)





MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm : Ống nối mềm vật liệu thép không gỉ SUS304 model NK-VN2100.

Thành phần : thép không gỉ SUS304; thép SS400.

Thông số kỹ thuật: kích thước ống DN15 ~ DN50

Hướng dẫn sử dụng : dùng để chống rung, hấp thụ chuyển vị trong đường ống dẫn nước sạch, nước sinh hoạt

Thông tin cảnh báo (nếu có): không dùng với lưu chất có tính ăn mòn kim loại

Tên tổ chức công bố, sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm : NFK Việt Nam.

Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

Xuất xứ: Việt nam.

Số: 02/NFK/2026



Mã số/ Code: DV151610360/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Số 40 Dãy A Lô 12, KĐT Mới Định Công, Phường Phương Liệt, Thành Phố Hà
Address Nội, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ : Ống nối mềm vật liệu thép Inox SUS304 dùng để cấp nước model NK-
Name of Sample VN2100
Số tem niêm phong: 20.12875
ID khách hàng CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ
ISOCERT: 9199301267765
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu nguyên vẹn
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 04/03/2026
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu
Sample retention time
7. Ngày thử nghiệm/ : 04/03/2026-18/03/2026
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 18/03/2026
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Arsen (As) - (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 1,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
2	Arsen (As) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 1,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
3	Cadimi (Cd) (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 0,2)	QCVN 12-3:2011/BYT
4	Cadimi (Cd) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 0,2)	QCVN 12-3:2011/BYT
5	Chì (Pb) (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 2)	QCVN 12-3:2011/BYT

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiêu thụ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn



Mã số/ Code: DV151610360/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
6	Chì (Pb) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 2)	QCVN 12-3:2011/BYT

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Mẫu do CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT bàn giao thử nghiệm

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số 273 ngày 26/10/2006
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC
	Phòng
	Sao

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/NFK/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức : Công ty TNHH NFK Việt Nam

Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

Điện thoại : 0221.390.0170.

E-mail: info@nfk-vn.com.

Mã số doanh nghiệp : 0901032712

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm : Ống nối mềm vật liệu thép không gỉ SUS304 model NK-VN2700

2. Thành phần : thép không gỉ SUS304; thép SS400.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không thời hạn.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Sản phẩm được đóng gói trong thùng carton, quy cách đóng gói có thể thay đổi theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được làm từ giấy đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở sản xuất : Công ty NFK Việt Nam.

- Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm nội dung mẫu nhãn sản phẩm).

V. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Theo QCVN12-1:2011/BYT của Bộ Y tế về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hung yên, ngày 25 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
MATSUKAWA TETSUYA



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm : Ống nối mềm vật liệu thép không gỉ SUS304 model NK-VN2700

Thành phần : thép không gỉ SUS304; thép SS400.

Thông số kỹ thuật: kích thước ống DN15 ~ DN300

Hướng dẫn sử dụng : dùng để chống rung, hấp thụ chuyển vị trong đường ống dẫn nước sạch, nước sinh hoạt

Thông tin cảnh báo (nếu có): không dùng với lưu chất có tính ăn mòn kim loại

Tên tổ chức công bố, sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm : NFK Việt Nam.

Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

Xuất xứ: Việt nam.

Số: 03/NFK/2026



Mã số/ Code: DV151610360/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
- Địa chỉ/
Address : Số 40 Dãy A Lô 12, KĐT Mới Định Công, Phường Phương Liệt, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : Ống nối mềm vật liệu thép Inox SUS304 dùng để cấp nước model NK-VN2700
Số tem niêm phong: 20.12867
ID khách hàng CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT: 9199301267765
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Mẫu nguyên vẹn
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 04/03/2026
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 04/03/2026-18/03/2026
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 18/03/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Arsen (As) - (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 1,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
2	Arsen (As) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 1,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
3	Cadimi (Cd) (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 0,2)	QCVN 12-3:2011/BYT
4	Cadimi (Cd) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 0,2)	QCVN 12-3:2011/BYT
5	Chì (Pb) (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 2)	QCVN 12-3:2011/BYT

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiêu thụ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn



VILAS 1296
ISO/IEC 17025:2017

VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151610360/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
6	Chì (Pb) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 2)	QCVN 12-3:2011/BYT

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Mẫu do CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT bàn giao thử nghiệm

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR



Ths. TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số 2792 ngày 26/10/2026
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC.....
	Phòng.....
	Sao.....

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/NFK/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức : Công ty TNHH NFK Việt Nam

Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

Điện thoại : 0221.390.0170.

E-mail: info@nfk-vn.com.

Mã số doanh nghiệp : 0901032712

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm : Ống nối mềm vật liệu thép không gỉ SUS304 model NK-VN3200

2. Thành phần : thép không gỉ SUS304; thép SS400.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không thời hạn.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Sản phẩm được đóng gói trong thùng carton, quy cách đóng gói có thể thay đổi theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được làm từ giấy đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở sản xuất : Công ty NFK Việt Nam.

- Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm nội dung mẫu nhãn sản phẩm).

V. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Theo QCVN12-1:2011/BYT của Bộ Y tế về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hung yên, ngày 25 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)





MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm : Ống nối mềm vật liệu thép không gỉ SUS304 model NK-VN3200.

Thành phần : thép không gỉ SUS304; thép SS400.

Thông số kỹ thuật: kích thước ống DN15 ~ DN300

Hướng dẫn sử dụng : dùng để chống rung, hấp thụ chuyển vị trong đường ống dẫn nước sạch, nước sinh hoạt

Thông tin cảnh báo (nếu có): không dùng với lưu chất có tính ăn mòn kim loại

Tên tổ chức công bố, sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm : NFK Việt Nam.

Địa chỉ : Lô đất J5-B , KCN Thăng long 2, Phường Đường hào, tỉnh Hưng yên.

Xuất xứ: Việt nam.

Số: 04/NFK/2026



Mã số/ Code: DV151610360/04

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Số 40 Dãy A Lô 12, KĐT Mới Định Công, Phường Phương Liệt, Thành Phố Hà
Address Nội, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ : Ống nối mềm vật liệu thép Inox SUS304 dùng để cấp nước model NK-
Name of Sample VN3200
Số tem niêm phong: 20.12881
ID khách hàng CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ
ISOCERT: 9199301267765
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu nguyên vẹn
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 04/03/2026
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu
Sample retention time
7. Ngày thử nghiệm/ : 04/03/2026-18/03/2026
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 18/03/2026
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Arsen (As) - (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 1,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
2	Arsen (As) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 1,5)	QCVN 12-3:2011/BYT
3	Cadimi (Cd) (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 0,2)	QCVN 12-3:2011/BYT
4	Cadimi (Cd) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 0,2)	QCVN 12-3:2011/BYT
5	Chì (Pb) (dung dịch ngâm thối Nước, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 2)	QCVN 12-3:2011/BYT

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiêu thụ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn



VILAS 1296
ISO/IEC 17025:2017

VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151610360/04

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
6	Chì (Pb) (dung dịch ngâm thối Acid Citric 0,5%, 60°C/30p) *	µg/L	KPH (LOD = 2)	QCVN 12-3:2011/BYT

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Mẫu do CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT bàn giao thử nghiệm

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



Ths. TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.